

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày: 22 - 3 - 2019

“V/v Đòi tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Ông **Hoàng Minh Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc “*Đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2019/TB-TA ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hiền P**, sinh năm 1965; Trú tại: đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1964; Trú tại: 56 Hàn Mặc Tử, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1937;

2/ Bà **Mai Thị Thu Th**, sinh năm 1969;

3/ Bà **Mai Thị Ái T**, sinh năm 1973;

Cùng trú tại: đường H, phường T, quận H, Tp Đà Nẵng.

(Bà Ngô Thị N, Mai Thị Thu Th, Mai Thị Ái T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 26/10/2018 và tại phiên tòa ngày 20/02/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hiền P trình bày: Bà và bà Mai Thị T có quan hệ làm ăn, góp vốn với nhau. Quá trình làm ăn bà đã góp vốn chung với bà T với số tiền 300.000.000đ. Sau đó, bà T có nhờ bà mượn giúp số tiền 110.000.000đ nên bà đã đi vay mượn tiền người khác cho bà T mượn lại, hai bên có viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 05/4 Âm lịch, tiếp đến gia đình bà Mai Thị T gồm: mẹ là bà Ngô Thị N và các em là Mai Thị Thu Th, Mai Thị Ái T có nhờ bà mượn thêm

150.000.000đ để làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng và viết giấy “Nhờ mượn giùm tiền”. Vì tin tưởng nên bà đã tiếp tục đi mượn tiền của người khác về cho cho bà T mượn thêm 150.000.000đ. Tổng tiền bà T mượn bà là 260.000.000đ, nợ trong quá trình làm ăn chung là 300.000.000đ. Khoảng giữa năm 2018, bà T có bán nhà chung cư và trả cho bà được 400.000.000đ và hiện nay bà T còn nợ bà số tiền 160.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Hiền P thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị bị đơn là bà Mai Thị T trả cho bà số tiền nợ gốc đã mượn theo giấy mượn tiền đề ngày 05/4 Âm lịch đồng thời bà Phương xác định thời điểm mượn tiền là vào ngày 05/4 Âm lịch năm Mậu Tuất (2018), số tiền còn lại bà P xác định sẽ củng cố chứng cứ, khi cần sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn Mai Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Thị N, Mai Thị Thu Th, Mai Thị Ái T nhưng các bà Ngô Thị N, Mai Thị Thu Th, Mai Thị Ái T từ chối nhận thông báo. Riêng bị đơn Mai Thị T không có mặt tại địa địa chỉ mà trước đây đã xác lập các giấy mượn tiền là đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà T và tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân, báo Thanh niên trong ba số liên tiếp vào các ngày 29,30 tháng 11 và ngày 01 tháng 12 năm 2018 nhưng bị đơn Mai Thị T không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và cũng không có mặt tại các phiên họp, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Do đó bà T không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan từ chối nhận văn bản tố tụng nên Tòa án đã tiến hành niêm yết tại địa phương đúng quy định. Các bà Ngô Thị N, Mai Thị Ái T không đến Tòa án, không có ý kiến, lời khai. Riêng bà Mai Thị Thu Th có tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/10/2018 và có đơn trình bày thống nhất với số tiền nợ mà bà P khởi kiện, chỉ xin được tạo điều kiện để gia đình bán nhà trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các bước thủ tục tố tụng đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền của mình. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Mai Thị Thu Th đã có mặt trong quá trình hòa giải, có lời khai trong hồ sơ vụ án. Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nên không có lời khai. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Hiền P rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị bị đơn Mai Thị T trả số tiền nợ 110.000.000đ đồng thời cung cấp giấy mượn tiền chứng minh được số nợ, do đó căn cứ Điều 166; Điều 274; Điều 275 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phương, buộc bà

Mai Thị T phải có trách nhiệm trả số nợ 110.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp Đòi tài sản, căn cứ giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện địa chỉ của bị đơn Mai Thị T là tại đường H, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án về đúng địa chỉ của bị đơn cũng như những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại đường H, phường T, quận H, Tp Đà Nẵng nhưng bị đơn đi khỏi nơi cư trú, không thông báo cho nguyên đơn biết hiện mình đang ở đâu, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều từ chối nhận văn bản tố tụng. Do đó Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc khởi kiện của nguyên đơn cho bị đơn được biết đồng thời niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên bị đơn Mai Thị T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Thị N, Mai Thị Ái T đều không có ý kiến phản hồi gì, riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Mai Thị Thu Th có một bản trình bày vào ngày 26/10/2018. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng những người này.

[2] Về nội dung: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 20/02/2019, nguyên đơn Nguyễn Thị Hiền P trình bày về diễn biến khoản nợ của bà Tuyết gồm tiền góp vốn làm ăn 300.000.000đ, bà Tuyết vay lần thứ nhất là 110.000.000đ, lần thứ hai bà Tuyết đại diện gia đình đi vay là 150.000.000đ. Đã trả được 400.000.000đ, còn nợ lại là 160.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ đề nghị bị đơn Mai Thị T trả số tiền nợ là 110.000.000đ đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 05/4 Âm lịch. Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại, nguyên đơn cho rằng sẽ cũng cố chứng cứ để khởi kiện bằng vụ án khác.

Như vậy, xét về mặt hình thức thì tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện theo hướng rút bớt một phần so với số tiền yêu cầu ban đầu, do đó căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Phương đối với số tiền nợ 110.000.000đ của bà Mai Thị T.

Xét về nội dung thì thấy, cùng với yêu cầu khởi kiện nói trên, nguyên đơn Nguyễn Thị Hiền P cũng đã xuất trình chứng cứ là “Giấy mượn tiền” đề ngày 05/4 Âm lịch thể hiện

số tiền bà Mai Thị T mượn của bà Phương là 110.000.000đ. Chứng cứ này là hợp pháp, đủ để chứng minh về khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay bị đơn Mai Thị T đã thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ cam kết theo “Giấy mượn tiền”, không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hiền P, buộc bà Mai Thị T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 110.000.000đ cho bà Phương.

Đối với các khoản tiền còn lại do nguyên đơn không tiếp tục yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi cần nguyên đơn có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

[4] Về chi phí khác, quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định việc niêm yết văn bản tố tụng không đảm bảo cho bị đơn nhận được thông tin về vụ án. Nguyên đơn cũng đã có văn bản yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tự nguyện chịu lệ phí thông báo. Đối với chi phí này, nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thanh toán xong cho các cơ quan thông tin đại chúng đăng, phát thông báo nên Hội đồng xét xử không đề cập.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hiền P về việc “Đòi tài sản” đối với bị đơn Mai Thị T.

Xử

1. Buộc bà Mai Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Hiền P số tiền nợ là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Mai Thị T phải chịu 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hiền P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) theo Biên lai số 0006550 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc